



叔 叔

shūshu · thúc thúc · chú (em trai của cha)

shū

丨 ㇏ ㇏ 𠂇 𠂇 𠂇 𠂇 叔 叔

叔 叔 叔 叔

shū

丨 ㇏ ㇏ 𠂇 𠂇 𠂇 𠂇 叔 叔

叔 叔 叔 叔